

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HSST
Ngày 20 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hùng Tuấn

Bà Đào Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 146/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, đối với:

1. Bị cáo Ngô Văn C, sinh năm 1983; nơi sinh: Bắc Ninh; nơi cư trú: Khu 3, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Cnh và bà Đặng Thị Lượng; vợ Nguyễn Thị Thu; con: 03, lớn nhất sinh năm 2014; nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo đang tại ngoại và đang chấp hành biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, có mặt;

2. Bị cáo Bùi Ngọc L, sinh năm 1993; nơi sinh: Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Bông Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân Đoan và bà Nguyễn Thị Tư; vợ Tạ Bích Hậu; con: 02, lớn sinh năm 2017; nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo đang tại ngoại và đang chấp hành biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, có mặt;

3. Bị cáo Ngô Văn Đ, sinh năm 1979; nơi sinh: Bắc Ninh; nơi cư trú: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Phát và bà Khổng Thị Tập; vợ Phan Thị Đan; con: 04, lớn nhất sinh năm 2005; nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/4/2024 đến ngày 19/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo đang tại ngoại và đang chấp hành biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, có mặt;

Bị hại: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang; địa chỉ: xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Hà Văn Nhuận, sinh năm 1958; trú tại: Khu Hàm Nghi, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/4/2024), có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thọ Đức, sinh năm 1986; trú tại: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn C có quen biết với Bùi Ngọc L từ tháng 7/2023 (trong thời gian làm xây dựng tại thành phố Hà Nội), cả hai vẫn giữ liên lạc thường xuyên. Khoảng đầu tháng 4/2024, Chí dùng số điện thoại 0972436998 gọi đến số điện thoại 0345490941 của Long hỏi thăm thì biết Long đang là cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang có địa chỉ tại xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty này hiện đang thi công dự án Khu nhà ở xã hội thấp tầng tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ do Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Việt Trì làm chủ đầu tư.

Khi nói chuyện qua điện thoại, Chí có hẹn sẽ qua thăm Long. Ngày 03/4/2024, Chí một mình đến gặp Long và cùng vào thăm công trình Long đang làm việc. Tại đây, Chí quan sát thấy bãi tập kết vật tư có nhiều sắt hộp, tuýp giáo và hỏi Long: “Sắt hộp ở đây là của bên công ty em phải không?”, Long trả lời: “Đúng, là của công ty em”. Lúc này, Chí nảy sinh ý định cùng Long trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền nên nói với Long: “Xem bố trí một chuyến để anh em kiếm thêm tiền tiêu”. Long hiểu ý của Chí là trộm cắp sắt của Công ty đem bán lấy tiền chia nhau nên trả lời: “Để em xem, khi nào phù hợp thì em báo lại”. Long hẹn Chí ngày 07/4/2024 đến công trình vì hôm đấy là ngày nghỉ (chủ nhật) sẽ thuận tiện để trộm cắp vật tư thì Chí đồng ý.

Sáng ngày 07/4/2024, Chí gọi điện đến số điện thoại 0981300688 của Ngô Văn Đ (Đông là cháu họ Chí) để rủ Đông lên công trình Long đang làm để trộm cắp vật tư xây dựng, Đông đồng ý. Chí mượn xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu đen (Chí không nhớ biển số xe) của anh Đặng Văn Tuấn, sinh năm 1984, ở tỉnh

Quảng Ninh (là bạn của Chí), sau đó Chí điều khiển xe đi từ Quảng Ninh đến đón Đông rồi tiếp tục đi lên công trình chỗ Long đang làm việc.

Khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, Chí và Đông đến công công trình dự án Khu nhà ở xã hội thấp tầng tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, nhưng Long đang bận việc nên cả hai ngồi đợi ở quán nước gần công trình chờ. Đến 11 giờ cùng ngày, Long từ công trường ra quán nước gặp Chí và Đông. Tại đây, Long nói cho Chí biết về lịch trình đi ăn của mọi người và lịch trình bảo vệ đến làm việc, đồng thời trao đổi với Chí bố trí xe vào chỗ vật liệu, Long bảo Chí thực hiện việc trộm cắp vật tư trong khung giờ từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ và trộm cắp lượng vật tư vừa phải để tránh bị phát hiện.

Chí bảo Đông thuê xe cầu để chở vật tư trộm cắp. Đông đi ra ngoài quán, gọi điện thoại thuê Ngô Sỹ Dương, sinh năm 1986, trú tại: thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bảo Dương đi xe cầu tự hành đến công trình để cầu sắt. Dương đồng ý, hai bên thoả thuận công thuê cầu là 5.000.000đ/chuyến từ Bắc Ninh lên Việt Trì. Đông tiếp tục gọi điện thuê anh Khổng Văn Đức, sinh năm 1978, trú tại: Thôn Phù Yên, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Đức là anh vợ Đông) đến công trình phụ cầu thêm cùng với Dương. Do Dương và Đức không quen biết nhau nên Đông cho Dương số điện thoại của Đức để tiện liên hệ và đón Đức lên Việt Trì cùng. Khi Đông ra ngoài gọi điện thì Long nói thêm với Chí “Khi nào Long gọi điện thì cho xe vào để chở” sau đó Long quay lại công trình làm việc tiếp rồi cùng mọi người đi uống rượu. Sau khi gọi điện thuê được xe và người phụ cầu, Đông quay lại quán nước thông báo với Chí về việc đã thuê được xe và người phụ cầu từ Bắc Ninh lên, cả hai tiếp tục ngồi ở quán nước chờ xe cầu đến.

Dương điều khiển xe cầu tự hành nhãn hiệu Isuzu, biển số 99C-122.63 cùng anh Ngô Sỹ Quyền, sinh năm 1977, trú tại: Phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh- là người giúp việc khi chạy xe cho Dương đi lên công trình mà Đông yêu cầu. Trên đường đi, Dương gọi và đón Khổng Văn Đức ở khu vực gần sân bay Nội Bài, thành phố Hà Nội. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, Long gọi điện nói cho Chí biết Long cùng cán bộ công ty đi uống rượu, không có ai ở công trình để Chí cho xe vào trộm cắp sắt, Chí nói với Long là xe đang trên đường đến.

Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì xe cầu do Dương điều khiển đến công công trường nơi Chí, Đông đang chờ. Sau đó, Đông và Chí dẫn xe cầu của Dương vào bãi tập kết vật tư bên trong công trình. Tại đây, Chí chỉ cho Đông và Dương bốc, cầu số vật tư gồm: Những ống sắt hộp; ống tuýp sắt loại D48; bát kích sắt tăng giàn giáo ống rồng đã qua sử dụng. Sau đó Chí một mình ra xe ô tô ngồi chờ còn Đông ở lại khu vực bãi tập kết vật tư để bảo Dương, Đức, Quyền cầu sắt lên xe. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Long đi về công trình gặp Chí và nói: “Làm nhanh lên” rồi quay lại quán tiếp tục uống rượu với mọi người trong công ty. Do sợ bị phát hiện nên 14 giờ 30 phút cùng ngày, Chí nhắn tin nói với Đông: “Thôi đi ra đi, lấy thế thôi”. Đông bảo Dương không cầu nữa và lái xe đi ra. Khi đến bãi tập kết vật tư

phía bên phải cạnh công ra vào công trình thấy có nhiều thanh giằng (giằng nêm); nhiều thanh sắt hộp đã qua sử dụng, Chí bảo Dương dừng xe lại để tiếp tục cầu thêm số vật tư này lên xe. Thấy Đông lấy được nhiều sắt các loại, lo sợ bị phát hiện nên Chí tiếp tục nhấn tin bảo Đông nói Dương điều khiển xe cẩu ra khỏi công trình, chở số sắt trên về tỉnh Bắc Ninh để bán.

Dương, Đức, Quyền theo xe cẩu tự hành chở sắt đi về Bắc Ninh theo yêu cầu của Đông, còn Chí và Đông đi xe riêng cùng di chuyển về tỉnh Bắc Ninh để bán số sắt vừa trộm cắp được. Trên xe, Chí bảo Đông liên hệ người mua, Đông gọi điện cho anh Trần Thọ Đức, sinh năm 1986, trú tại xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (anh Đức có công ty kinh doanh cốt pha, giàn giáo xây dựng có địa chỉ tại thôn Phấn Động, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) để hỏi anh Đức có mua sắt hộp và giàn giáo không? Anh Đức đồng ý. Đông gửi cho anh Đức xem trước một số hình ảnh vật tư cần bán và thống nhất giá. Anh Đức nói với Đông sắt dài từ 02m trở lên mua với giá 12.500 đồng/01kg; sắt dài dưới 2m mua với giá 9.000 đồng/01kg và hẹn Đông đến trạm cân tải 60 tấn Trần Chu ở xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để cân sắt. Tại đây, Đông và anh Đức tiến hành cân trọng lượng xe và sắt được tổng 21.684 kg. Sau khi cân xong, Dương chuyển toàn bộ số vật tư trên xe đến kho hàng của anh Đức ở thôn Phấn Động, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, rồi Dương cho xe quay lại trạm cân Trần Chu cân trọng tải xe được 15.122 kg. Sau khi trừ đi khối lượng trọng tải xe, anh Đức và Đông thống nhất mua bán tổng khối lượng 6.500 kg sắt, còn 62 kg sắt Đông cho anh Đức. Trong đó: 5000 kg sắt loại dài từ 02m trở lên bán với giá 12.500 đồng/kg, thành tiền: 62.500.000 đồng; còn 1.500 kg sắt loại dài dưới 02m bán với giá 9.000 đồng/kg, thành tiền: 13.500.000 đồng. Tổng số tiền sắt bán được là 76.000.000 đồng. Số tiền này, Đông bảo anh Trần Thọ Đức chuyển từ số tài khoản 0351001172394 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của anh Đức đến tài khoản của Chí có số 44110001235669 mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Thấy đã có tiền bán sắt vào tài khoản, Chí chia cho Long 23.000.000 đồng nhưng do trước đây Long nợ tiền cá nhân của Chí 8.000.000 đồng nên Chí trừ nợ và chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng đến số tài khoản 1014184234 mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của Long; chia cho Đông 21.000.000 đồng và trả cho Đông 5.000.000 đồng tiền thuê xe cẩu nên Chí đã chuyển khoản tổng số 26.000.000 đồng vào tài khoản số 19031115418886 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của Ngô Văn Đ. Chí giữ lại 35.000.000 đồng trong đó có 27.000.000 đồng tiền Chí hưởng lợi từ việc trộm cắp và 8.000.000 đồng là tiền Chí thu luôn nợ từ Long sau khi trộm cắp được tài sản. Sau khi nhận số tiền hưởng lợi Chí chuyển khoản cho vợ là Nguyễn Thị Thu sinh năm 1988, trú tại: Khu 3, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh số tiền 25.000.000 đồng để chị Thu chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Khi chuyển khoản Chí không nói cho Thu biết nguồn gốc số tiền do Chí trộm cắp

mà có, chỉ Thu đã chi tiêu sinh hoạt gia đình hết số tiền trên. Số tiền còn lại Chỉ đã chi tiêu hết.

Sau khi được Chỉ chuyển tiền, Đông trả 5.000.000 đồng tiền thuê xe cho anh Dương và trả tiền công phụ cầu cho anh Khổng Văn Đức 500.000 đồng. Số tiền chia nhau từ hành vi trộm cắp nêu trên, Đông và Long đều đã chi tiêu cá nhân hết. Quá trình thi công, đến ngày 10/4/2024 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang phát hiện tại công trình bị mất trộm nhiều loại sắt nên trình báo Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Việt Trì và có văn bản ủy quyền cho ông Hà Văn Nhuận, sinh năm 1958, HKTT: Khu Hàm Nghi, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì là cán bộ kỹ thuật công ty phối hợp với Cơ quan điều tra giải quyết vụ việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ khi các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tại công trình còn có 02 người phụ nữ cũng có mặt là bà Tạ Thị Châm, sinh năm 1969, địa chỉ thôn Phú Hậu, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và bà Hoàng Thị Phú, sinh năm 1957, địa chỉ khu 5, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Bà Châm và bà Phú là những người được ông Trần Văn Cộng - Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang thuê làm công việc dọn dẹp vật tư tại công trình. Ngày 07/4/2024 khi hai bà đang dọn dẹp tại công trình thì thấy các đối tượng cho xe vào bốc, cầu sắt; do nghĩ rằng các đối tượng là người của công ty nên các bà vẫn làm việc bình thường và không nói chuyện, trao đổi gì.

Ngày 08/4/2024, anh Trần Thọ Đức đã bán 2.126 kg sắt đã mua của Ngô Văn Đ cho 03 người qua đường không quen biết thu được số tiền 27.638.000 đồng. Số sắt còn lại 4.436 kg (gồm nhiều các loại sắt) anh Đức để ở kho của công ty, khi được Cơ quan điều tra cho biết số sắt mua của Ngô Văn Đ ngày 07/4/2024 là tài sản do phạm tội mà có, anh Đức đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 4.436 kg. Trong đó sắt các loại gồm: Nhiều thanh sắt hộp kích thước 50mm x 50mm x 1,8mm dài 02m; nhiều thanh sắt hộp kích thước 50mm x 100mm x 1,8mm dài 2m; nhiều bát kích sắt tăng giàn giáo ống rộng dài 50cm; nhiều ống tuýp sắt loại D48 dài 03m và nhiều thanh giàn (giàn nôm) dài 1,2m.

Sau khi biết vụ việc đã bị phát hiện, Bùi Ngọc L, Ngô Văn C đã đến Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Việt Trì đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với Ngô Văn Đ, ngày 12/4/2024 đã bị Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Việt Trì thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 237/KL-HĐĐGTS cùng ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì kết luận tổng giá trị số sắt trộm cắp là 72.182.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Văn C, Ngô Văn Đ và Bùi Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, các bị cáo chỉ trao đổi, bàn bạc, thực hiện tội phạm cùng nhau và chia tiền bán tài sản trộm cắp được với nhau ngoài ra không trao đổi bàn bạc với bất kỳ ai khác.

Tại Cáo trạng số 136/CT-VKSVT ngày 04/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Ngô Văn C, Bùi Ngọc L, Ngô Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có tranh luận gì.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn C, Bùi Ngọc L, Ngô Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn C từ 27 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, 02 bị cáo Bùi Ngọc L và bị cáo Ngô Văn Đ từ 24 đến 27 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách đối với 03 bị cáo đều là 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho những người tham gia tố tụng đúng thời hạn do pháp luật quy định nên các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về việc định giá tài sản: Kết quả điều tra thể hiện số sắt trộm cắp được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định là 72.182.000đ, so với số tiền thực tế các bị cáo bán cho anh Đức là 76.000.000đ thì thấp hơn. Điều này đã được cơ quan điều tra làm rõ là do số sắt thu lại được thực tế chỉ là vật liệu xây dựng đã qua sử dụng nên chỉ tính theo 01 đơn giá là phù hợp. Kết quả này đã được tổng đạt cho các bị cáo, cho bị hại và anh Đức đều nhất trí, không có ý kiến gì và đều xác định giá như vậy là phù hợp với giá trị trường tại thời điểm xảy ra hành vi trộm cắp. Do đó, giá của Hội đồng định giá đưa ra là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

2.1. Về cấu thành tội phạm:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 07/04/2024, tại bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang tại Dự án Khu nhà ở xã hội thấp tầng, lô N02 – Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương thuộc khu Vân Cơ, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Ngô Văn C, Bùi Ngọc L và Ngô Văn Đ đã trộm cắp 6.562 kg sắt (là vật liệu xây dựng đã qua sử dụng) của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trần Trường Giang trị giá 72.182.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Chí, Long, Đông phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi cá nhân.

2.2. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS

Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Chí, Long được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ do đầu thú; bị cáo Đông hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ do đã ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Dũng Liệt năm 2024 quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

2.3. Về đồng phạm và cá thể hóa hình phạt:

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng vai trò của Chí cao hơn, hưởng lợi nhiều hơn Long và Đông nên phải chịu hình phạt cao hơn. Đối với Long và Đông vai trò như nhau và có các tình tiết giảm nhẹ tương đương nên cho 02 bị cáo mức hình phạt như nhau là phù hợp.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần phạm tội này là lần đầu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần

cho các bị cáo hưởng hình phạt tù, cho hưởng án treo theo mức đề nghị của Kiểm sát viên là thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ nhưng qua điều tra xác định các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập, tài sản gì có giá trị hoặc có nhà đất nhưng là nơi sinh sống duy nhất của gia đình nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung là phù hợp.

2.4. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với thiệt hại của Công ty đầu tư xây dựng Trần Trường Giang: Số lượng các loại sắt bị trộm cắp thu hồi lại là 4.436 kg đã được Cơ quan điều tra trả lại cho công ty. Đối với số sắt bị mất không thu hồi lại được, tương ứng với giá trị 32.100.000đ đã được ba bị cáo bồi thường cho công ty (kỷ phần mỗi người là 10.7000.000đ), công ty đã nhận lại đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa, các bị cáo đều đề nghị ghi nhận phần trả lại và phần bồi thường cho bị hại trong bản án là phù hợp.

- Đối với số tiền anh Trần Thọ Đức trả cho các bị cáo là 76.000.000đ khi mua sắt đã được các bị cáo hoàn trả đầy đủ (phần của Chí là 27 triệu đồng, của Long là 23 triệu đồng, Đông là 26 triệu đồng), anh Đức nhận và không có ý kiến gì. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị ghi nhận trong bản án là phù hợp.

2.5. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 pro, màu xanh, số IMEI 1: 866727052271153, số IMEI 2: 866727052271161 của Bùi Ngọc L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY Note 20 Ultra 5G, màu đen, số IMEI 1:351065130078809, số IMEI 2: 3516079600803 của Ngô Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu xám, số IMEI 1: 865545057888974, số IMEI 2: 865545057888966 của Ngô Văn C: Các điện thoại này các bị cáo sử dụng để liên lạc, thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 03 sim mạng Viettel gắn trong các điện thoại trên của các bị cáo gồm mã số sim 89840 48000 908944436 thu giữ của Bùi Ngọc L; mã số sim 8984048000917571487 thu giữ của Ngô Văn Đ; mã số sim: 8984048000903083276n thu giữ của Ngô Văn C là vật không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu, tiêu hủy.

2.6. Về các vấn đề khác:

Đối với các anh Ngô Sỹ Dương, Ngô Sỹ Quyền, Khổng Văn Đức là những người thực hiện việc cầu và chở sắt thuê cho các bị cáo, quá trình làm việc không biết số sắt mà mình bốc, cầu, chở đi bán là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Thọ Đức là người mua số sắt do các bị cáo trộm cắp nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu (vợ Chí) là người được nhận tiền bán sắt từ Chí nhưng không biết đây là tiền do Chí trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Đặng Văn Tuấn là người cho Chí mượn xe nhưng không biết để đi trộm cắp và chiếc xe này không sử dụng để vận chuyển số sắt trộm cắp được,

không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Tạ Thị Châm và bà Hoàng Thị Phú là những người có mặt ở công trình lúc các đối tượng trộm cắp tài sản nhưng không biết các bị cáo trộm cắp tài sản, không hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các căn cứ pháp luật, đề xuất về hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn C, Bùi Ngọc L, Ngô Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn C 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc L 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Văn C cho UBND phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; giao bị cáo Bùi Ngọc L cho UBND xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Ngô Văn Đ cho UBND xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo trên cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với thiệt hại của Công ty đầu tư xây dựng Trần Trường Giang: Xác nhận Cơ quan điều tra trả lại cho công ty số sắt trộm cắp đã thu hồi lại là 4.436 kg. Ghi nhận 03 bị cáo Chí, Ngô, Đông đã bồi thường cho công ty số sắt bị mất không thu hồi lại được, tương ứng với giá trị 32.100.000đ (kỷ phần mỗi người là 10.7000.000đ). Công ty đã nhận lại đủ số sắt và số tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

- Đối với số tiền 76.000.000đ của anh Trần Thọ Đức: Ghi nhận các bị cáo đã trả cho anh Đức toàn bộ số tiền trên (phần của Chí là 27 triệu đồng, của Long là 23 triệu đồng, Đông là 26 triệu đồng), anh Đức đã nhận và không có ý kiến gì.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 pro, màu xanh, số IMEI 1: 866727052271153, số IMEI 2: 866727052271161 của Bùi Ngọc L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY Note 20 Ultra 5G, màu đen, số IMEI 1:351065130078809, số IMEI 2: 3516079600803 của Ngô Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu xám, số IMEI 1: 865545057888974, số IMEI 2: 865545057888966 của Ngô Văn C.

Tịch thu, tiêu hủy: 03 sim mạng Viettel gắn trong các điện thoại trên của các bị cáo gồm mã số sim 89840 48000 908944436 thu giữ của Bùi Ngọc L; mã số sim 8984048000917571487 thu giữ của Ngô Văn Đ; mã số sim: 8984048000903083276n thu giữ của Ngô Văn C.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Ngô Văn C, Bùi Ngọc L, Ngô Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Công an thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Bị hại, người có QLVN liên quan;
- UBND phường Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh;
- UBND xã Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội;
- UBND xã Dũng Liệt, Yên Phong, Bắc Ninh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hương

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Gia Thanh, Phù Ninh, Phú Thọ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Trong thời hạn 15 ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Khai Xuân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ;
- UBND xã Trạm Thán, Phù Ninh, Phú Thọ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phùng Thị Thu Hương

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; trong thời hạn 15 ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Minh Hải phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Thu Hương